



**Công ty TNHH Phòng cháy chữa cháy TOMOKEN Việt Nam**

Lô XN 25-3, KCN Đại An, P. Tứ Minh, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Tel: 0988.214.114

Email: [hoaipt@tomoken.com.vn](mailto:hoaipt@tomoken.com.vn)

## **BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT** **VỎI CỨU HỎA TOMOKEN FIRE HOSE**

1. **Nhà sản xuất** : Công ty TNHH Phòng cháy chữa cháy Tomoken Việt Nam.
2. **Sản xuất** : Sản xuất tại Việt Nam theo công nghệ Nhật Bản.
3. **Chất liệu** :



|                 |                                                     |
|-----------------|-----------------------------------------------------|
| Chất liệu ngoài | 40 % sợi chỉ ngang Filament.<br>60 % sợi Polyester. |
| Chất liệu trong | Tráng PVC.                                          |

# Bảng thông số kĩ thuật vòi chữa cháy

| Thông số<br><br>Mã vòi & Hình ảnh                                                                                | Kích thước |                   |                    |            | Trọng lượng<br>( Chưa bao gồm khớp nối) | Áp suất    |        |            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------|--------------------|------------|-----------------------------------------|------------|--------|------------|
|                                                                                                                  | Chiều dài  | Chiều dày         |                    | Đường kính |                                         | Áp sử dụng | Áp thử | Áp phá hủy |
|                                                                                                                  |            | Chiều dày ống vải | Chiều dày ống nhựa |            |                                         |            |        |            |
|                                                                                                                  | (m)        | (mm)              | (mm)               | (φ)        | (kg)                                    | ( Mpa)     | ( Mpa) | ( Mpa)     |
| DN50 x 1.0 Mpa x 20m<br>         | 20±0.2     | 0.60              | 0.25               | 50         | 2.18                                    | 1.0        | 1.5    | 2.0        |
| DN50 x 1.3 Mpa x 20m<br>         | 20±0.2     | 0.65              | 0.25               | 50         | 2.28                                    | 1.3        | 2.0    | 2.6        |
| DN50 x 1.3(Pro) Mpa x 20m<br>    | 20±0.2     | 0.80              | 0.35               | 50         | 2.77                                    | 1.3        | 2.6    | 4.0        |
| DN50 x 1.6 Mpa x 20m<br>         | 20±0.2     | 0.87              | 0.2                | 50         | 2.80                                    | 1.6        | 2.4    | 3.2        |
| DN50 x 1.6 (Pro) Mpa x 20m<br> | 20±0.2     | 0.7               | 0.35               | 50         | 3.38                                    | 1.6        | 3.2    | 4.5        |
| DN65 x 1.0 Mpa x 20m<br>       | 20±0.2     | 0.65              | 0.2                | 65         | 2.71                                    | 1.0        | 1.5    | 2.0        |
| DN65 x 1.3 Mpa x 20m<br>       | 20±0.2     | 0.825             | 0.2                | 65         | 3.31                                    | 1.3        | 2.0    | 2.6        |
| DN65 x 1.3(Pro) Mpa x 20m<br>  | 20±0.2     | 0.725             | 0.35               | 65         | 4.38                                    | 1.3        | 2.6    | 4.0        |
| DN65 x 1.6 Mpa x 20m<br>       | 20±0.2     | 0.7               | 0.25               | 65         | 3.17                                    | 1.6        | 2.4    | 3.2        |
| DN65 x 1.6 (Pro) Mpa x 20m<br> | 20±0.2     | 1.01              | 0.5                | 65         | 5.7                                     | 1.6        | 3.2    | 4.5        |
| DN75 x 1.6 (Pro) Mpa x 20m                                                                                       | 20±0.2     | 1,01              | 0.5                | 75         | 5.9                                     | 1.6        | 3.2    | 4.5        |

### 5. Nhiệt độ bảo quản:

Bảo quản nơi khô mát, nhiệt độ lý tưởng 20°C ~ 35°C.

### 6. Thời gian bảo hành:

Bảo hành 12 tháng kể từ ngày giao hàng.

### 7. Ưu điểm vượt trội:

- Vòi cứu hỏa TOMOKEN HOSE được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản đã được chứng nhận kiểm định về Phương tiện Phòng cháy và Chữa cháy theo quyết định số 3820/KĐ- PCCC –P9 của Cục Cảnh Sát PCCC Việt Nam.
- Vòi cứu hỏa TOMOKEN HOSE là vòi cứu hỏa lần đầu tiên sản xuất thành công tại Việt Nam, có nhiều ưu điểm so với vòi chữa cháy thông thường.

### BẢNG SO SÁNH GIỮA TOMOKEN HOSE VÀ VÒI THÔNG THƯỜNG

| TIÊU CHÍ                  |               | TOMOKEN HOSE                                                                                                                                                                                  | VÒI THÔNG THƯỜNG                                                                                                       | HÌNH ẢNH                                                                              |
|---------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khả năng chống mài mòn |               | Thành phần 40 % sợi Filament (Sợi trắng) và 60 % sợi Polyester (sợi bền chống ma sát).<br><i>Dẫn đến giảm thiểu được rách , bục do va chạm trực tiếp với mặt đất trong quá trình sử dụng.</i> | Thành phần 100 % sợi Filament ( Sợi trắng).<br><br><i>Dẫn đến dễ rách , bục khi va chạm trực tiếp với mặt đất.</i>     |    |
| 2. Khả năng chịu nhiệt    |               | Ống nhựa trắng PVC.<br>Khả năng chịu được nhiệt độ khắc nghiệt từ -20°C ~ 80°C.<br><i>Khắc phục được tình trạng mục, bong tróc cao su so với các loại ống thông thường.</i>                   | Ống nhựa trắng cao su.<br>Khả năng chịu nhiệt kém 10°C - 40°C.<br><i>Bở khi nhiệt độ &gt;80°C, chai cứng khi lạnh.</i> |  |
| 3. Độ bền                 |               | Trắng PVC.<br><i>Độ bền cao 5-10 năm.</i>                                                                                                                                                     | Trắng cao su.<br><i>Độ bền thấp từ 6-12 tháng.</i>                                                                     |                                                                                       |
| 4. Khớp nối               | Chất liệu     | Khớp nối bằng nhôm hợp kim, độ cứng cao.<br><i>Không gây trơn tuột trong điều kiện áp lực lớn, an toàn trong hoạt động chữa cháy.</i>                                                         | Khớp nối bằng nhôm thông thường.<br><i>Dễ mục, xốp, nhanh giòn, vỡ. Dễ trơn tuột trong quá trình sử dụng.</i>          |  |
|                           | Lớp HAKAMA    | Vị trí gần khớp nối dễ bị rách, lớp hakama bảo vệ vòi chống rách.                                                                                                                             | Không có.                                                                                                              |                                                                                       |
|                           | Khớp IWAMACHI | Có khả năng chịu va đập , dạng xoay, chống xoắn ống.<br><i>Không gây bục ống và tắc nước.</i>                                                                                                 | Không có.                                                                                                              |  |
|                           | Độ chính xác  | Gia công bằng máy công nghệ CNC hiện đại.<br><i>Độ chính xác cao, không gây rò rỉ nước.</i>                                                                                                   | Gia công bằng máy thủ công.<br><i>Độ chính xác thấp, xuất hiện rò rỉ nước trong quá trình sử dụng.</i>                 |                                                                                       |
| 5. Bảo hành               |               | Bảo hành 12 tháng từ ngày giao hàng.                                                                                                                                                          | Không bảo hành.                                                                                                        |                                                                                       |

